**Bài 4. Sắc thái của tiếng cười**

**(Truyện cười)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 78**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

- Viết được một bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, trân trọng con người và thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* [Em từng nghe, đọc](https://vietjack.me/em-tung-nghe-doc-hay-da-thuoc-nhung-ca-khuc-bai-tho-nao-108984.html) một câu truyện cười chưa? Theo em, những câu truyện cười có giúp ích cho cuộc sống của chúng ta hay không? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Sắc thái của tiếng cười, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng về tiếng cười.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Truyện cười là gì?*  *+ Thế nào là cốt truyện?*  *+ Bối cảnh trong truyện cười thường là bối cảnh như thế nào?*  *+ Nhân vật trong truyện cười là những nhân vật như thế nào?*  *+ Ngôn ngữ trong truyện cười có gì đặc biệt.*  *+ Trình bày khái niệm nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.*  *+ Trình bày chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Truyện cười**  - Truyện cười là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tỉnh lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.  - Cốt truyện thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.  - Bối cảnh thưởng không được miêu tả cụ thể, ti mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoa, phong tục gắn với từng truyện.  - Nhân vật thưởng có hai loại:  + Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lưới biếng, tham ăn, keo kiệt... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật nảy thành những bức chân dung hải hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mĩ.  + Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiển (truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện Bác Ba Phi...).  gặp:  - Ngôn ngữ thường ngắn gọn, súc tích, hải hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn...  - Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thưởng  1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:  a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động...  b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên những liên tưởng, đổi sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.  2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tinh trào phủng (lối nói khoa trương, phóng đại,  chơi chữ...).  **2. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  - Nghĩa tường minh là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  - Nghĩa hàm ẩn là phần thông bảo không được thể hiện trực tiếp bằng tử ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn để cập đến.  *Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)*  - Câu tục ngữ trên có nghĩa tưởng minh: Nếu bỏ cộng súc ra mải một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngũ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này, chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ “mải sắt”, “nên kim”. Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.  **3. Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị**  - Từ ngữ toàn dân là tử ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.  - Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu tử với mục dịch tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.  Ví dụ: Dùng lại đây bắt một mở chim đi, tia! (Đoản Giỏi, Đất rừng phương Nam) Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của  nhân vật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*Vẽ sơ đồ trình bày kiến thức về truyện cười.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Ôn tập kiến thức lý thuyết đã được học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Vắt cổ chày ra nước**

**May không đi giày**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Theo em, thế nào là keo kiệt? Người keo kiệt thường có biểu hiện gì?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học Vắt cổ chày ra nước, May không đi giày sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại truyện cười.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về: thể loại, bố cục, đề tài…

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  *- Hai truyện này thuộc kiểu văn bản nào?*  *- Xác định đề tài của hai truyện trên.*  *- Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?*  *-* *Tóm tắt hai văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Truyện cười  - Đề tài của 2 truyện: Truyện cười.  - Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội: keo kiệt của truyện cười.  - Tóm tắt:  + Vắt cổ chày ra nước:  Một người đầy tớ được chủ nhà sai về quê có việc, người này xin mấy đồng để đi đường nhưng vì bản tính ki bo, keo kiệt nên chủ nhà không cho và đưa cho những vật dụng oái oăm. Từ đó ra đời câu thành ngữ “vắt cổ chày ra nước”.  + May không đi giày:  Một ông tính hà tiện đi chân không ra chợ chẳng may vấp phải hòn đá chảy máu. Thay vì than đau thì ông ta mừng vì không đi giày, ông ta sợ giày bị rách mũi. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Câu truyện Vắt cổ chày ra nước bắt đầu bằng sự việc nào?*  *+ Chủ nhà đã nói gì khi đầy tớ xin tiền uống nước?*  *+ Cái cười nảy sinh khi nào?*  *+ Qua truyện Vắt cổ chày ra nước, em rút ra bài học gì*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Câu chuyện May không đi giày bắt đầu bằng sự việc nào?*  *+ Thái độ của người đàn ông khi vấp phải hòn đá như thế nào?*  *+ Cái cười nảy sinh khi nào?*  *+ Qua truyện Vắt cổ chày ra nước, em rút ra bài học gì*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+Rút ra đặc sắc nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong 2 câu truyện trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **a. Vắt cổ chày ra nước**  - Câu chuyện bắt đầu từ việc đầy tớ xin chủ nhà tiền uống nước dọc đường.  - Khi đầy tớ xin mấy đồng uống nước dọc đường:  + Lần 1: *“Thằng này đến là ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đấy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền phức”.*  + Lần 2: “*Thế thì tao cho mượn cái này”* rồi đưa cho cái khố tải”.  - Cái cười nảy sinh khi: đầy tớ không hiểu và chủ nhà nói *“vận vào người khi khát vặn ra mà uống”.*  = > Bài học: Phê phán những người có tính keo kiệt, bủn xỉn.  **b. May không đi giày**  - Câu chuyện bắt đầu từ việc một người đàn ông không đi giày ra chợ và vấp phải hòn đá.  - Khi người đàn ông vấp phải hòn đá ngón chân chảy móng ròng ròng, nhưng ông ta lại không phàn nàn mà còn nói *“May cho mình thật!”.*  - Cái cười nảy sinh khi: người đàn ông nói *“may là vì tôi không đi giày. Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!”*  = > Bài học: Phê phán những người có tính keo kiệt, bủn xỉn.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật.  ***2. Nghệ thuật***   Phê phán những người có tính keo kiệt, bủn xỉn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Nêu cảm nhận của em sau khi đọc 2 câu truyện trên.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Sưu tầm một số câu truyện cười có cùng nội dung với 2 câu truyện trên.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Khoe của**

**Con rắn vuông**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Theo em, người khoe khoang là người có những biểu hiện như thế nào?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học Khoe của và Con rắn vuông sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại truyện cười.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về bố cục, đề tài…

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  *- Hai truyện này thuộc kiểu văn bản nào?*  *- Xác định đề tài của hai truyện trên.*  *- Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Tự sự  - Đề tài của 2 truyện: Truyện cười.  - Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội: thói khoe của. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Anh thứ nhất có gì để khoe?*  *+ Theo em, một cái áo mới may có đáng để khoe thiên hạ không?*  *+ Anh thứ hai có gì để khoe?*  *+ Có đáng khoe thiên hạ một con lợn làm cỗ cưới không?*  *+ Hai anh kia đã đem những cái rất bình thường để khoe mình có của. Điều đó có đáng cười không? Vì sao?*  *+ Qua sự việc này, nhân dân muốn cười diễu tính xấu gì của người đời?*  *+ Anh có lợn khoe trong tình trạng nào?*  *+ Em hiểu như thế nào là "tất tưởi"?*  *+ Đó có phải là hỏi để khoe lợn không? Vì sao?*  *+ Cái cách khoe lợn của anh ta như thế nào?*  *+ Lẽ ra anh phải hỏi người ta ra sao?*  *+ Như thế, trong câu hỏi của anh có lợn bị thừa ra những chữ nào?*  *+ Vì sao anh có lợn lại cố tình hỏi thừa ra như thế?*  *+ Anh áo mới thích khoe của đến mức độ nào?*  *+ Cái cách đợi để khoe áo ấy đáng cười ở chỗ nào?*  *+ Điều bất ngờ gì xảy ra đối với anh áo mới?*  *+ Nhận xét về điệu bộ và câu trả lời của anh ta?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:*  *+ Câu truyện Con rắn vuông bắt đầu bằng sự việc nào?*  *+ Người chồng khi đi rừng về đã nói gì với vợ của mình?*  *+ Khi người vợ trêu người chồng, người chồng đã thay đổi câu trả lời và đáp lại ra sao?*  *+ Qua truyện Con rắn vuông, em rút ra bài học gì*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+Rút ra đặc sắc nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong 2 câu truyện trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Văn bản Khoe của**  a. Tính khoe của và những của được đem khoe  - Tính khoe của là thói thích tỏ ra, trưng ra cho người ta biết là mình giàu. Đây là thói xấu, thường thấy ở những người có nhiều của, những người giàu có, dư thừa, thích học đòi. Thói xấu này biểu hiện ở cách ăn mặc, trang sức, xây cất, bài trí nhà cửa, cách nói năng, giao tiếp.  - Những của được đem ra khoe:  + Chiếc áo mới  + Một con lợn để thịt làm đám cưới.  => Những vật rất bình thường. Từ đó chế giễu tính hay khoe, khoe của.  b. Cách khoe của mỗi nhân vật  - Anh có áo mới:  + Có chiếc áo mới liền mặc ngay mà không hề đợi đến ngày lễ hoặc tếm có dịp nào đó.  + Anh ta “đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen”  + Anh kiên nhẫn đứng từ sáng đến chiều.  + Khi anh lợn cưới đến thì giơ vạt áo ra và trả lời.  => Hành động thừa, lố bịch và trả lời thừa một vế.  - Anh có lợn cưới:  + Anh đi tìm lợn khoe trong lúc nhà đang có việc lớn (nhà có đám cưới), lợn để làm cỗ cho lễ cưới lại bị sổng mất.  + Lẽ ra chỉ cần hỏi người ta “Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không?” Hoặc có thể miêu tả lại con lợn bị sổng như thế nào? Nhưng anh có lượn lại thế từ “cưới” vào thành “lợn cưới” không phải từ thích hợp để chỉ con lợn bị sổng.  => Mục đích của anh ta chỉ để khoe lợn, khoe của.  **2. Văn bản Con rắn vuông**  - Tính nói khoác của người chồng:  + Thấy một con rắn… Ôi chao là to! Bề ngang thì đến hai mươi thước, bề dài đến một trăm hai mươi thước ấy!  + Chẳng một trăm hai mươi thước thì cũng một trăm thước.  + Không đủ một trăm thước thì cũng đến tám mươi thước  + Không tám mươi thì cũng sáu mươi  + Không đến sau mươi thước thật, nhưng ít nhất cũng bốn mươi thước  +…con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!  = > Người vợ biết tính chồng, trêu một mẻ để chồng nói ra sự thật  = > Hành động nói khoác liên tiếp của người chồng bị vợ vạch trần “Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thi ra con rắn vuông bốn góc à”.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Truyện chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe khoang, khoác lác, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.  ***2. Nghệ thuật***  - Cách kể chuyện ngắn gọn, gây ấn tượng cho người đọc.  - Có yếu tố gây cười, hài hước. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:* Tiếng cười và thủ pháp gây cười trong các truyện Khoe của và Con rắn vuông giống nhau và khác nhau ở những điểm nào?

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về 2 câu truyện trên.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Tiếng cười có lợi ích gì?**

Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn (Orison Swett Marden)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được nội dung của văn bản.

- Xác định được bối cục của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Tiếng cười có xuất hiện nhiều trong cuộc sống hay không? Theo em, tiếng cười giúp ích gì cho đời sống con người.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học Tiếng cười có lợi ích gì?

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, bố cục…

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Tiếng cười có lợi ích gì thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.*  *+ Phân tích bố cục của Tiếng cười có lợi ích gì?*  *+ Tóm tắt văn bản Tiếng cười có lợi ích gì?*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản Tiếng cười có lợi ích gì? Là văn bản nghị luận.  **-** Văn bản Tiếng cười có lợi ích gì? có phương thức biểu đạt là nghị luận.  - Bố cục:  Gồm 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến “hài hòa hơn” – Vai trò của tiếng cười đối với sức khỏe của mỗi người.  + Phần 2: Tiếp đến “vui vẻ nhất” – Dẫn chứng về lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống.  + Phần 3: Còn lại – Tiếng cười trong các nhận định văn học.  - Tóm tắt:    Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt, cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Bên cạnh đó, tiếng cười còn là cách thức hiệu quả mang đến một tỉnh thần hạnh phúc. Một nụ cười tươi dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định luận đề của văn bản.*  *+ Trình bày luận điểm và các lí lẽ dẫn chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Xác định những bằng chứng khách quan của văn bản.*  *+ Xác định các ý kiến chủ quan của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+Rút ra đặc sắc nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  - Luận đề: Vai trò của tiếng cười đối với cuộc sống con người.  - Luận điểm 1: Tiếng cười có nhiệm vụ quan trọng đối với cấu trúc cơ thể.  + Là một yếu tố làm cơ thể thêm khỏe mạnh, mang lại niềm vui cho con người.  + Cười nhiều cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống.  + Khi cười, cơ thể được khôi phục về trạng thái sung sức, cân bằng giúp cấu trúc cơ thể vững chắc và hài hòa hơn.  - Luận điểm 2: Dẫn chứng tiêu biểu về lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống.  + Ở phía Tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bơ-đích (Burdick), ông được gọi là “bác sĩ cười” vì luôn luôn xuất hiện trước mọi người với nụ cười vui vẻ nhất, và sự hài hước của ông nhanh chóng lan truyền ra khắp xung quanh. Ông chữa bệnh cho nhiều người chỉ bằng rất ít thuốc.  + Tờ Len-sit (Lancet) của Luân Đôn (London) — một tạp chí y khoa nổi tiếng thế giới – đã đưa ra nhận định thế này về giá trị của thái độ vui vẻ, lạc quan: “Một tinh thần tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khoẻ của những người bệnh, người ốm yếu. Nó quyết định việc liệu một người bệnh có còn cứu được hay không, và một người yếu ớt có thể sống một đời lành mạnh, không bệnh hay không”  + …  - Luận điểm 3: Tiếng cười trong các nhận định văn học.  + Nhà thơ Đơ-rai-đơn (Dryden) nói rằng: “Tiếng cười, dù ở mức độ nào, luôn là một điều tốt. Và nếu một thứ có thể gây cười cho mọi người, thì nó là một công cụ tạo ra hạnh phúc  + Ngài Goan-tơ Xơ-cót (Walter Scott)' nói: “Hãy cho tôi một tiếng cười chân thành”, ông luôn dành những câu nói tử tế và nụ cười chân thành cho tất cả mọi người, và chính điều đó làm ông trở thành một trong những người đàn ông hạnh phúc nhất thế giới.  + …  ***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:  *+ Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Tiếng cười bắt đầu từ phổi và cơ hoành, tạo ra rung động ở khắp các cơ quan nội tạng, giúp thân thể vận động dễ chịu.*  *+ …*  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là:  *+ Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc họ kê cho bệnh nhân.*  *+ …*  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Văn bản đề cập đến những lợi ích của tiếng cười:làm cơ thể khỏe mạnh, mang cho con người nhiều niềm vui, giúp thân thể vận động dễ chịu… nhằm lan tỏa nụ cười của mọi người trong cuộc sống, cùng nhau tạo ra những niềm vui và sự hài hước.  ***2. Nghệ thuật***    - Tác giả sử dụng biện pháp liệt kê, so sánh nhằm tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho văn bản. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Nêu cảm nhận của em sau khi đọc văn bản Tiếng cười có lợi ích gì?*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Sưu tầm một số câu truyện cười có cùng nội dung với 2 câu truyện trên.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 86**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

- Nhận diện và phân tích được các bài tập về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện từ tượng hình và tượng thanh trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động tìm hiểu kiến thức*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay, Thực hành tiếng Việt trang 86.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Thế nào là nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn? Nêu ví dụ.*  *+ Trình bày khái niệm từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương. Nêu ví dụ.*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **1. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  - Nghĩa tường minh là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  - Nghĩa hàm ẩn là phần thông bảo không được thể hiện trực tiếp bằng tử ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn để cập đến.  *Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)*  - Câu tục ngữ trên có nghĩa tưởng minh: Nếu bỏ cộng súc ra mải một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngũ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này, chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ “mải sắt”, “nên kim”. Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.  **2. Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị**  - Từ ngữ toàn dân là tử ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.  - Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu tử với mục dịch tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.  Ví dụ: Dùng lại đây bắt một mở chim đi, tia! (Đoản Giỏi, Đất rừng phương Nam) Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của  nhân vật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Câu 1 (trang 86 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Xác định nghĩa tưởng minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:  a.  - Bác có thấy con lớn cưới của tôi chạy qua đây không?  -Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!  (Truyện cười dân gian Việt Nam, Khoe của)  b.  - Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?  (Truyện cười dân gian Việt Nam, Con rắn vuông)  **Câu 2 (trang 86 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Đọc lại truyện Vắt cổ chày ra nước và thực hiện các yêu cầu sau:  a. Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: “Thế thì tao cho mượn cái này!” của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó?  b. Người đầy tớ thực sự muốn nói gì qua câu: “Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!?  c. Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ Vắt cổ chảy ra nước? Đặt câu có sử dụng thành ngữ này.  **Câu 3 (trang 87 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Đọc truyện cười Văn hay trong mục Đọc mở rộng theo thể loại và thực hiện các yêu cầu sau:  a. Câu nói của người vợ “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?” có nghĩa  hàm ẩn gi?  b. Thầy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ minh hay không? Dựa vào đầu em biết điều đó?  c. Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hảm ẩn do người nghe người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao?  - HS nhận nhiệm vụ**.**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Trả lời:**  **Câu 1 (trang 86 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a.  - Nghĩa tường minh: Bác có thấy con lợn chạy qua đây không, Tôi không thấy con lợn nào cả  - Nghĩa hàm ẩn: Muốn khoe con lợn của mình, tôi có chiếc áo mới  b.  - Nghĩa tường minh: Con rắn to dài vừa tròn hai mươi thước là con rắn vuông à  - Nghĩa hàm ẩn: làm gì có con rắn nào dài hai mươi thước  **Câu 2 (trang 86 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a.  - Nghĩa hàm ẩn: Tao không cho mày tiền uống nước đâu, mày tự lo lấy đi.  = > Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu: Vận vào người khi khát vặn ra mà uống.  b. Người đầy tớ muốn nói ông chủ thật keo kiệt bủn xỉn.  c.  - Thành ngữ “Vắt cổ chày ra nước” để chỉ sự bủn xỉn, hà tiện, keo kiệt đến quá đáng.  - Anh Cường đúng là vắt cổ chày ra nước.  **Câu 3 (trang 87 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a.  - Câu nói có nghĩa là ông viết chữ xấu.  b.  - Thầy đồ hiểu sai câu nói của vợ mình. Dựa vào việc ông đắc chí.  c.  - Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra không phải lúc nào cũng trùng nhau không. Vì không phải lúc nào người nghe/ người đọc có thể hiểu được nghĩa hàm ẩn trong các câu nói. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

**Câu 4 (trang 87 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó.

**Trả lời:**

**Tham khảo:**

Một bác sĩ nọ chuyên khám bệnh bằng suy đoán. Một hôm ông dẫn người học trò đi thực tế. Đến nhà một cô gái nọ, sau khi quan sát phòng cô gái, ông phán ngay: bệnh của cô là do ăn sôcôla quá nhiều, muốn khỏi bệnh thì hãy bớt ăn nó đi. Sau khi ra về, người học trò cứ thắc mắc hoài không biết lý do nào mà thầy lại kết luận như thế. Anh hỏi và được ông trả lời: Anh có thấy trên kệ sách cô ta chưng bày rất nhiều con thỏ có biểu tượng Orion đó không, để có một con thỏ ấy phải mua hàng chục hộp sôcôla, huống gì nhà cô ấy có đến hàng chục con? Một thời gian sau, bác sĩ cho anh được trực tiếp khám bệnh, anh vào khám cho một quả phụ nọ, vì lần đầu tiên cầm ống nghe nên trong lúc quá sợ anh làm rớt ống nghe xuống đất. Khi nhặt nó lên, anh mạnh dạn phán rằng: bệnh của cô là do đi nhà thờ quá nhiều, nếu cô có thể bỏ thói quen ấy thì bệnh sẽ khỏi. Đến lần này thì chính ông bác sĩ cũng không thể nào đoán được cái lý do nào để anh đi đến kết luận đó. Nóng ruột, bác sĩ hỏi:

- Làm thế nào mà anh có thể kết luận kì cục thế?

- Bác sĩ có nhớ là lúc tôi làm rơi cái ống nghe không?

- Nhớ, mà làm sao?

- Khi cúi xuống nhặt nó, tôi thấy một cha xứ đang núp ở dưới giường cô ta.

- Thì ra thế.

= > Nghĩa hàm ẩn: bệnh của cô là do đi nhà thờ quá nhiều

= > Bài học rút ra: Sở dĩ ông bác sĩ không tài nào hiểu được cái lý do trên là vì ông không có một tri thức nền cần thiết, từ đó nó mới tạo ra một sự đánh đố. Mặt khác, phát ngôn đi nhà thờ quá nhiều tạo ra một hàm ý là cô quá phụ đang có một quan hệ bất chính với ông cha xứ.

**Câu 5 (trang 87 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Các từ ngữ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm?

*a. Quả tôi* ***nom*** *thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, Con rắn vuông)

*b. Khoai sắn tình quê rất* ***thiệt thà****!*

*(Tố Hữu, Nhớ đồng)*

**Trả lời:**

a. Từ “nom” thường được sử dụng ở miền Nam.

b. Từ “thiệt thà” thường được sử dụng ở miền Nam.

c. Từ “giả đò” thường được sử dụng ở miền Nam.

= > Các từ ngữ đều có tác dụng làm cho câu văn trở nên dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện.

**Câu 6 (trang 87 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo): Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.**

**Trả lời:**

**Tham khảo:**

Ba: Ê cậu vừa đi mô về vậy?

Nam: Ừ, vừa mới tan trường xong.

Ba: Cậu đi đá banh với tui ni không?

Nam: Ừm... Không nếu mình đi đá banh thì mẹ mình sẽ thưởng cho mình mấy vết đỏ nhoi ở mông.

= > Nghĩa hàm ẩn: Khi Nam đang đi học về thì gặp Ba - Hàm ý mang tính chất lịch sự, ý nói là bị đánh vào mông

= > Từ địa phương: mô – đâu, ni – này.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Văn hay**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Xác định và phân tích được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học Văn hay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại truyện cười.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, đề tài…

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  *- Câu truyện này thuộc kiểu văn bản nào?*  *- Xác định đề tài của câu truyện trên.*  *- Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Tự sự  - Đề tài của truyện: Truyện cười.  - Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội: tự mãn. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được cốt truyện.

- Xác định được bối cảnh của văn bản.

- Xác định và phân tích được ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Nhận diện và xác định được nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  *GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:*  *+ Câu truyện Văn hay bắt đầu bằng sự việc nào?*  *+ Khi nghe vợ nói, ông thầy đồ đã có những suy nghĩ và hành động nào?*  *+ Qua truyện Văn hay, em rút ra bài học gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+Rút ra đặc sắc nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản trên.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  *-* Câu chuyện bắt đầu từ việc thầy đồ cặm cúi viết.  + Vợ thầy đồ thấy vậy bảo “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không”.  - Khi nghe vợ nói thầy đồ:  + Lấy làm đắc chí: nghĩ rằng vợ khen tài văn chương, ý văn dồi dào khổ nhỏ không đủ chép.  = > Yếu tố gây cười:  “Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được.”  **= > Bài học**  - Không nên tự mãn, phải luôn biết học hỏi, khiêm tốn.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Phê phán những người có lối sống tự mãn, tự đề cao bản thân.  - Nhắc nhở mọi người cần phải biết khiêm tốn.  ***2. Nghệ thuật***  - Cách kể chuyện ngắn gọn, gây ấn tượng cho người đọc.  - Có yếu tố gây cười, hài hước. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Ôn tập kiến thức và soạn bài Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được kiểu bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

- Viết được một bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học các bước để viết được một bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội.**

**a. Mục tiêu:** Xác định được một số điểm cần lưu ý khi làm một bài văn kể lại một động xã hội.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Bài văn kể lại một hoạt động xã hội là gì?*  *+ Để viết được một bài văn kể lại một hoạt động xã hội cần những yêu cầu gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Bài văn kể lại một hoạt động xã hội**  **- Bài văn kể lại một hoạt động xã hội** thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các sự việc của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  • Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất.  • Nêu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.  • Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.  • Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  Mở bài: giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc.  Thân bài: nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động xã hội; kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm.  Kết bài: khẳng định giá trị của hoạt động xã hội đã kể; nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân. |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Phân tích văn bản “chuyến thăm bệnh nhi tại Bệnh viên Ung bướu”.*  **Câu 1 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự các sự việc được kể trong bài viết?  **Câu 2 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.  **Câu 3 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Xác định ngôi kể của bài viết. Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?  **Câu 4 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và nhận xét  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội, chúng ta cần làm theo mấy bước. Là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***2. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản***  **Câu 1 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Bài văn viết về hoạt động tình nguyện xã hội là thăm bệnh nhân nhi ung thư.  - Các sự việc trong bài viết được kể theo trình tự thời gian.  **Câu 2 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể là đoạn văn thứ hai.  **Câu 3 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Bài viết được viết theo ngôi thứ nhất.  - Vì đây là bài văn kể lại một hoạt động xã hội, người viết phải chọn ngôi kể thứ nhất để đảm bảo tính chính xác và chân thực của văn bản.  **Câu 4 (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung chân thực các sự việc mà người kể đã thực hiện về hoạt động xã hội được kể trong bài viết.  ***3. Hướng dẫn quy trình viết***  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  • Đề tài trong bài viết này là một hoạt động xã hội em đã tham gia, đó là những hoạt động được tổ chức bởi cơ quan, đoàn thể như: nhà trưởng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cơ quan địa phương, tổ chức xã hội... nhằm tạo ra những giá trị tích cực cho xã hội. Sau đây là một số gợi ý.  – Các hoạt động bảo vệ môi trường: Ngày Chủ nhật xanh dọn dẹp khu phố, hoạt động nhặt rác làm sạch môi trường tự nhiên hoạt động tắt đèn hưởng ứng Giờ Trái Đất...  - Các hoạt động từ thiện thăm mái ấm tình thương, phong trào nuôi heo đất góp  quỹ giúp bạn vượt khó...  – Các hoạt động nâng cao ý thức cộng đồng: cuộc thi tuyên truyền phòng chống ma tuý, hội thi Lớn lên cùng sách để lan toả văn hoá đọc...  - Các hoạt động giáo dục truyền thống và lịch sử: thăm Mẹ Việt Nam Anh hùng, hoạt động Về nguồn...  + Để việc viết hiệu quả, em cần xác định  – Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật kí cho chính minh...)?  Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bải viết  của em?  - Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào? Chẳng hạn, nếu em viết bài đăng lên trang web của trường thì mục đích bài viết là giúp người đọc biết thêm về hoạt động xã hội do trường tổ chức, nhằm lan toả tinh thần tích cực của việc tham gia hoạt động xã hội. Em nên chọn cách diễn đạt trang trọng, chân thành, nhiệt huyết vì người đọc bài viết nảy chủ yếu là thầy cô, bạn bè trong trường.  +  Em hãy nhớ lại những thông tin, tim hình ảnh, ghi chép cá nhân mà em đã lưu lại từ những hoạt động đó hoặc những hình ảnh, thông tin trên trang web của trưởng.  +  Thu thập các tư liệu để tìm hiểu thêm về hoạt động xã hội em chọn viết trên các nguồn tham khảo uy tín như:  – Trang web chính thức của hoạt động hoặc đơn vị tổ chức. Các trang web này thường có đuôi .gov (thuộc chinh phủ), org (các tổ chức xã hội), .edu (về giáo dục).  - Các bài báo, phim tư liệu, bản tin về hoạt động trên các trang báo lớn như: Nhân dân, Thanh niên, Tuổi trẻ, Người lao động...; kênh truyển hình trung ương và địa phương.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  - Thực hiện theo phiếu sau:    - Chọn những ý tiêu biểu, nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lí:    **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.  **Bài 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Dựa vào bảng kiểm sau và đánh giá rút kinh nghiệm:  **Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc**   |  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | --- | --- | --- | --- | | Mở bài | Giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể |  |  | | Thân bài | Hoạt động được kể lại theo ngôi thứ nhất |  |  | | Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động |  |  | | Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí |  |  | | Sử dụng hợp lí yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm, hoặc kết hợp cả hai yếu tố này. |  |  | | Kết bài | Khẳng định ý nghĩa của hoạt động |  |  | | Nêu được suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân. |  |  | | Diễn đạt | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, dùng từ |  |  |   - Trả lời các câu hỏi sau để tự đánh giá những gì đã học được sau khi viết bài này:  1. Em thích điều gì trong bài viết?  2. Điều mà bài viết này cần điều chỉnh là gì? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

**Đề bài (trang 90 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**

Hãy viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc hai yếu tố trên.

**Tham khảo:**

**Bài văn tham khảo:**

         Sống trong đời sống cần có một tấm lòng…” - Đó là những lời trong bài “Để gió cuốn đi” của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Lời hát đã giúp em hiểu được ý nghĩa   của lòng tốt.

          Hằng năm, sau kì nghỉ Tết Nguyên Đán, trường em sẽ phát động nhiều hoạt động từ thiện, trong đó có phong trào giúp đỡ trẻ em nghèo trên vùng cao. Cô giáo tổng phụ trách đã có một buổi sinh hoạt để phổ biến cho học sinh toàn trường. Chúng em có thể ủng hộ bằng hiện vật hoặc một số tiền nhỏ (trích từ số tiền mừng tuổi của mình). Thời gian tiếp nhận ủng hộ diễn ra trong vòng một tuần.

Đối với lớp của em, cô giáo chủ nhiệm đã giao cho lớp trưởng và lớp phó lao động phụ trách giám sát công việc. Hai bạn đã phân công đến tổ trưởng việc tiếp nhận, thống kê lại những đồ vật hay số tiền ủng hộ. Thời gian tiếp nhận chỉ trong ba ngày: thứ hai, thứ ba và thứ tư. Các bạn trong lớp tham gia rất tích cực.

Rất nhiều quần áo, đồ dùng học tập đã đã được đem đến. Các bạn tổ trưởng sẽ có một cuốn sách để ghi lại danh sách món đồ, số lượng hay số tiền của từng bạn. Trước đó, các món đồ được yêu cầu phải sắp xếp gọn gàng trong túi nên việc kiểm tra, phân loại rất dễ dàng. Với riêng em, em đã trích một khoản từ tiền mừng tuổi để mua những món đồ dùng học tập như: bút mực, tập vở hay cặp sách. Ngoài ra, em còn xin phép mẹ đem một số bộ quần áo còn mới, nhưng không mặc vừa nữa để đem đi ủng hộ. Mẹ đã đồng ý, còn giúp em giặt sạch quần áo, gấp lại gọn gàng và bỏ vào túi. Sáng hôm sau, em mang đến nộp cho bạn tổ trưởng.

Sau một tuần tiếp nhận ủng hộ, lớp em đã quyên góp được năm mươi bộ quần áo, một trăm quyển vở, hai mươi chiếc bút mực, năm cái cặp sách và một triệu đồng tiền mặt. Vào tiết sinh hoạt, bạn tổ trưởng đã tổng hợp và báo cáo lại cho cô giáo chủ nhiệm. Cô đã tuyên dương cả lớp rất tích cực trong phong trào ủng hộ.

Sau đó, tất cả sẽ được đem nộp lên cho nhà trường để chuyển lên vùng cao cho các bạn học sinh. Em hy vọng rằng những món quà này sẽ giúp đỡ phần nào cho các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tất cả các thành viên trong lớp đều rất vui vì đã làm được một việc có ý nghĩa.

          Những việc tốt sẽ giúp lan tỏa điều tốt đẹp. Em tự hứa sẽ cố gắng làm thêm được nhiều những công việc có ích cho cuộc sống hơn nữa.

- HS nhận nhiệm vụ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS:** Học sinh tự sáng tác một bài thơ một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ, đề tài tự do.

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi nghe**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định được các bước để trình bày một vấn đề xã hội.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Các bước để thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống**  **Bước 1: Chuẩn bị**  Một nhóm nhỏ thảo luận nên gồm sáu thành viên. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. Thư kỉ ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận.  • Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi: Mục đích của buổi thảo luận này là gi? Thời gian thảo luận dự kiến bao lâu? Nhóm sẽ dành bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?  • Để việc thảo luận được hiệu quả, mỗi thành viên cần tự trả lời các câu hỏi: Trong buổi thảo luận nhóm, người nghe của em là ai? Với đối tượng người nghe đỏ, em sẽ chọn cách nói nào để thuyết phục?  • Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn để, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi dựa vào những gợi ý sau.  – Ý kiến của em về ý nghĩa của hoạt động xã hội với cộng đồng và bản thân, lí lẽ và bằng chúng để làm sáng tỏ ý kiến.  – Những ý kiến trái chiều và phản hồi của em (dự kiến)  ***Bước 2: Thảo luận***  • Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày. Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiển. Cần đảm bảo mỗi thành viên đểu trinh bảy dựa trên phẩn chuẩn bị ở nhà.  Sau khi ghi nhận ý kiến của thành viên, cả nhóm cần tập trung phản hồi các ý kiến trọng tâm, các ý kiến trái chiều được nhiều thành viên quan tâm. Các thành viên tranh luận, trả lời các câu hỏi cũng như bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người khác.  • Từ các ý kiến của từng thành viên, cả nhóm thống nhất những ý kiến tiêu biểu, lựa chọn những li lẽ, bằng chứng xác đáng, thuyết phục. Kết quả thảo luận nhóm có thể được trình bày dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy, in-pho-gráp-phích (infographic)...  \* Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra hai bài học kinh nghiệm cho bản thân dựa vào:  1. Những điều em và nhóm đã làm tốt, chưa tốt.  2. Giải pháp khắc phục những điều chưa tốt. |

**Hoạt động 2: Nghe và tóm tắt**

**a. Mục tiêu:** Xác định và phân tích được vấn đề xã hội mà bản thân muốn trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu;  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **2. Trình bày bài tóm tắt.**  **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**  Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, cần trả lời các câu hỏi:  - Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói?  - Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Có bao nhiêu thời gian để trình bày, trao đổi?  - Chọn cách trình như thế nào cho phù hợp với đối tượng, địa điểm và thời gian nói?  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ sau:  - Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.  - Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày, khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói…  - Kết thúc: khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động.  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  Khi luyện tập và trình bày, em chú ý:  - Chào người nghe, tự giới thiệu bản thân.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.  **Bước 4: Trao đổi và đánh giá**  Sử dụng bảng kiểm (SGK/75) tự đánh giá kĩ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày. |

**Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung đã nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **3. Sau khi nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng bài tập: Thảo luận về một vấn đề của đời sống (đề tài tự do).

**Tham khảo:**

Hiện nay, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trên toàn cầu. Ở các quốc gia tiên tiến, việc giữ gìn vệ sinh môi trường được coi trọng và nhận được sự chú ý thường xuyên, do đó việc xả rác và nước thải bừa bãi đã được giải quyết hiệu quả. Người dân được đào tạo kỹ về ý thức bảo vệ môi trường, vì vậy môi trường sống đã trở nên xanh - sạch - đẹp. Tuy nhiên, đáng tiếc là ở nước ta, vấn đề vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng còn rất phổ biến, vấn đề giữ gìn vệ sinh đường phố không được chú trọng. Hành động này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, đặc biệt là gây ô nhiễm môi trường.

Trên đường phố, tình trạng không giữ gìn vệ sinh môi trường diễn ra với rất nhiều biểu hiện, trong đó vứt rác ra đường hoặc nơi công cộng là tình trạng phổ biến nhất. Sau khi ăn xong một que kem hay một chiếc kẹo, người ta thường vứt que, giấy xuống đất một cách tùy tiện. Ngay cả sau khi uống xong một lon nước ngọt hay một chai nước suối, họ lại vô tư vứt lon, chai ngay tại chỗ dù thùng rác chỉ cách đó rất gần. Điều đáng tiếc là họ không có cảm giác áy náy sau khi làm điều đó. Thậm chí, sau khi ăn xong một miếng kẹo cao su, họ cũng không mang đến thùng rác mà vứt nó bừa bãi trên ghế đá rồi bỏ đi. Tình trạng này không chỉ xảy ra ở nơi công cộng mà còn ở nhiều khu phố khác nhau. Trong một số khu phố, mặc dù có đặt bảng khu phố văn hóa, thì cỏ mọc um tùm tràn lan, rác rưởi đầy đường, mùi hôi khó chịu ngất ngưởng suốt cả ngày.

Hiện tượng không giữ gìn vệ sinh môi trường có rất nhiều biểu hiện khác nhau, trong đó phổ biến nhất là việc vứt rác bừa bãi tại đường phố và các nơi công cộng. Những que kem, giấy bọc kẹo thậm chí được bỏ vứt xuống đất ngay khi sử dụng xong. Các chai, lon nước uống sau khi hết cũng được vứt xuống đường mặc dù thùng rác gần đó. Đôi khi, người ta vứt đồ ăn thừa, nước rửa chén xuống cống trên vỉa hè các hàng quán, gây tắc nghẽn cống và ô nhiễm môi trường. Một hiện tượng đáng sợ khác là việc vứt xác động vật như chó, mèo, chuột, gia cầm xuống hồ, ao, sông rạch hoặc trên đường phố. Ngay cả những người sống trên đò trên sông cũng vô tư xả rác, đi tiêu và tắm gội trên sông. Hiện tượng này đã lan rộng sang một số sinh viên làm gia sư, cho thấy cả tầng lớp trí thức trẻ cũng không giữ gìn môi trường sống.

Các nhóm gia sư thường tập trung ở các ngã ba, ngã tư để tung tờ rơi quảng cáo của mình bừa bãi, khiến đường phố đầy những tờ rơi. Dù là hành động nhỏ nhưng lại gây ra tác hại rất lớn. Có lẽ chỉ việc dọn dẹp và giữ gìn sạch sẽ cho căn nhà từ phòng khách đến nhà ăn, từ trong nhà ra ngoài vườn chưa đủ. Việc vứt rác bừa bãi, quăng đâu bạ đó, thậm chí cả những nơi công cộng là không cần thiết, không quan tâm và không ảnh hưởng gì đến mình hay gia đình mình, là điều không cần thiết. Chúng ta cần suy nghĩ lại việc này. Bạn nghĩ sao nếu một thành phố văn minh, giàu đẹp lại bị ngập trong biển rác? Điều này thể hiện hành vi của người thiếu văn hóa, thiếu ý thức, gây mất vệ sinh và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Ngày nay, nhiều người tự hào về khu phố của mình và khoe rằng đó là một khu phố văn hóa. Tuy nhiên, khu vực được đặt tên là "khu phố văn hóa" nhưng đầy rác và gây bất tiện cho người đi đường. Họ tự phá hoại hình ảnh của mình, cũng như hình ảnh của khu phố. Cỏ mọc dày đặc tạo điều kiện thuận lợi cho sự sinh sôi của muỗi và có thể dẫn đến dịch bệnh sốt xuất huyết - một căn bệnh nguy hiểm đe dọa tính mạng của con người.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức về văn nghị luận.

- Kiến thức tiếng Việt: nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

**2. Về năng lực:**

- Chỉ ra được đặc điểm của thể loại văn bản.

- Xác định và phân tích được đặc điểm, tác dụng nghĩa tường mình và nghĩa hàm ẩn.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thương con người và yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Xác định được kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**GV tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chiếu hình ảnh, hướng dẫn luật chơi.

- HS quan sát, lắng nghe & trả lời câu hỏi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV.

 -Quan sát câu hỏi, suy nghĩ trả lời nhanh.

GV hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe.

- Theo dõi Hs trả lời, ghi điểm.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, nêu mục tiêu chung của bài học và chuyển dẫn tri thức Ngữ văn.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 1.  *+ Trình bày khái niệm nghĩa tường minh. Nêu ví dụ.*  *+ Trình bày khái niệm nghĩa hàm ẩn. Nêu ví dụ.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**  - Nghĩa tường minh là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  - Nghĩa hàm ẩn là phần thông bảo không được thể hiện trực tiếp bằng tử ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn để cập đến.  *Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)*  - Câu tục ngữ trên có nghĩa tưởng minh: Nếu bỏ cộng súc ra mải một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ẩn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ẩn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thân và chú ý đến các từ ngũ quan trọng trong câu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này, chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ “mải sắt”, “nên kim”. Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hằng ngày.  **2. Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị**  - Từ ngữ toàn dân là tử ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.  - Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu tử với mục dịch tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.  Ví dụ: Dùng lại đây bắt một mở chim đi, tia! (Đoản Giỏi, Đất rừng phương Nam) Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của  nhân vật. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức cho Hs tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của Gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Đọc lại các truyện cười đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở):   | Truyện | Đề tài | Bối cảnh | Nhân vật chính | Thủ pháp  gây cười | | --- | --- | --- | --- | --- | | Vắt cổ chày ra nước |  |  |  |  | | May không đi giày |  |  |  |  | | Khoe của |  |  |  |  | | Con rắn vuông |  |  |  |  |   **Câu 2 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang những sắc thái nào?  Câu 3 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo): Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:  Đời người có một gang tay,  Ai hay ngủ ngày còn lại nửa gang.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Đọc lại các truyện cười đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở):  **Trả lời:**   |  | | --- | | **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp**  **gây cười** | | Vắt cổ chày ra nước | châm biếm thói keo kiệt | Người phú ông muốn đầy tớ đi làm việc cho mình ở nơi xa nhưng lại không cho anh ta tiền uống nước | Phú ông | Sử dụng hàm ẩn trong câu nói của nhân vật | | May không đi giày | châm biếm thói keo kiệt | Người đàn ông đi chân đất nhưng lại không thấy đau mà lại tiếc giày | Người bị chảy máu chân | Suy nghĩ keo kiệt của nhân vật | | Khoe của | Châm biếm thói khoe khoang | Một người mất lợn đi tìm lợn hỏi phải người khoe khoang | Hai người đối đáp | Sử dụng câu nói không đúng mục đích hỏi | | Con rắn vuông | Châm biếm thói khoác lác | Người chồng khoe với người vợ về con rắn mình nhìn thấy | Người chồng | Người vợ khiến người chồng tự bộc lộ sự vô lý của mình |   **Câu 2 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Tiếng cười mang sắc thái dí dỏm, bật lên từ lối nói dối có nghệ thuật.  **Câu 3 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Nghĩa tường minh: Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)  - Nghĩa hàm ẩn: những ai hay ngủ ngày chỉ còn một nửa, mất đi một nửa thời gian quý giá của sự tồn tại trên đời. |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức cho Hs tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của Gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 4 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao, trong đó có sử dụng từ ngữ địa phương nơi em sống.  **Câu 5 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.  **Câu 6 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?  **Câu 7 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 4 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Ngó lên hòn Kẽm đá dừng,  Thương cha nhớ mẹ *quá chừng* bạn ơi!  Bên dưới có sông, bên trên có chợ  Hai đứa mình kết vợ chồng *nghen.*  …  **Câu 5 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Tìm ý và lập dàn ý trước khi viết bài.  - Chú ý đến các yếu tố thực tế: con người, cảnh vật xung quanh.  - …  **Câu 6 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý: Lắng nghe và tôn trọng, học hỏi về cách phản hồi ý kiến của người khác đề từ đó có thể rút ra kinh nghiệm, tìm ra những điểm hạn chế của bản thân.  **Câu 7 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười có thể giúp bản thân và những người xung quanh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời.  - Tiếng cười giúp cho chúng ta có suy nghĩ lạc quan, có niềm tin trong cuộc sống và giúp mọi người xích lại gần nhau hơn…  - … |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**